

# **XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ – NGỤY Ở MIỀN NAM (1954-1965)**

Bài này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong 10 năm đầu sau ngày kí Hiệp định Giơnevơ:

- Tình hình, đặc điểm của đất nước sau Hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới.

- Miền Bắc tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, thực hiện "đồng khởi, tiến tới đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ và tay sai.

## **I- Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới**

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, nhân dân ta giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954) và Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954).

Cách mạng Việt Nam từ đó bước sang giai đoạn mới với nhiệm vụ to lớn là củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành

độc lập và dân chủ.

Để thực hiện hoà bình, bước đầu tiên là quân đội hai bên phải ngừng bắn; đồng thời tách quân đội hai bên ra hai vùng khác nhau, tức là điều chỉnh khu vực. Điều chỉnh khu vực chỉ là một giải pháp tạm thời, không phải là phân chia biên giới.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, việc ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực sẽ được thi hành trong thời gian 300 ngày, kể từ ngày kí Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954 - 19-5-1955).

Về việc thực hiện ngừng bắn: Theo Điều 10 trong bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, việc thực hiện ngừng bắn phải đồng thời thực hiện trên toàn cõi Việt Nam, tại tất cả các chiến trường và cho tất cả mọi lực lượng của hai bên. Nhưng do đặc điểm của chiến trường Việt Nam, tính theo thời gian thực sự cần thiết để chuyển lệnh ngừng bắn tới những cấp thấp nhất của lực lượng chiến đấu, hai bên đồng ý sẽ thực hiện ngừng bắn hoàn toàn và đồng thời, theo từng khu vực lãnh thổ và theo thời gian quy định cho từng khu vực:

- Ở Bắc Bộ: Đúng 8 giờ (giờ địa phương) ngày 27-7-1954.
- Ở Trung Bộ: Đúng 8 giờ (giờ địa phương) ngày 1-8-1954.

- Ở Nam Bộ: Đúng 8 giờ (giờ địa phương) ngày 11-8-1954.

Do thái độ nghiêm chỉnh và đấu tranh kiên quyết của ta, phía Pháp cũng phải thi hành đúng lệnh ngừng bắn trên các chiến trường, trừ một số nơi các phần tử thân Mỹ ở miền Nam có hành động khiêu khích, phá hoại.

Về việc tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực: Trong thời kì chiến tranh, các khu vực đóng quân của lực lượng vũ trang hai bên không có giới tuyến rõ ràng; các vùng kiểm soát của ta và địch xen kẽ nhau, tạo nên hình thái cài răng lược. Vì vậy, để thực hiện ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực, vấn đề tách rời các đơn vị chiến đấu của hai bên để tránh xung đột dẫn đến tình trạng chiến tranh trở lại, là một việc cần thiết.

Sau khi tách rời các đơn vị chiến đấu, việc tập kết lực lượng của hai bên ở hai miền và chuyển giao khu vực được tiến hành. Trước khi rút quân và chuyển giao khu vực cho đối phương, chúng ta đã giải thích cho đồng bào địa phương giải quyết khó khăn trong đời sống cho đồng bào.

Ngược lại, về phía Pháp, trước khi rút quân khỏi miền Bắc, chúng cấu kết với đế quốc Mỹ và tay sai, ra sức hoạt động phá hoại. Chúng cài gián

điệp, đốt phá kho tàng, phá hoại những công trình công cộng, những di tích lịch sử và văn hoá, vơ vét tài sản, vật tư, tháo dỡ máy móc, thiết bị, hòng làm tê liệt hoặc gây khó khăn cho nhân dân ta trong công tác tiếp quản. Chúng còn dụ dỗ, cưỡng bức đồng bào Công giáo di cư vào Nam; tổ chức nhiều nhóm phỉ gây rối ở một số nơi thuộc vùng Tây Bắc, Đông Bắc.

Nhân dân ta, nhất là ở những vùng sắp giải phóng, đã tiến hành các cuộc đấu tranh rất quyết liệt chống lại những âm mưu và hành động phá hoại của địch. Trên cơ sở đó, việc tiếp quản các vùng mới giải phóng diễn ra tốt đẹp. Ngày 10-10-1954, quân ta tiếp quản thủ đô Hà Nội. Ngày 1-1-1955, nhân dân ta tổ chức cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình để chào đón Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về thủ đô sau 8 năm xa cách. Ngày 13-5-1955, đơn vị cuối cùng của quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi Hải Phòng. Nửa nước Việt Nam hoàn toàn được giải phóng, đánh dấu thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến và đặt cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh tiến tới xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ và hoà bình.

Sau thời gian 300 ngày đấu tranh thực hiện các điều khoản ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực, miền Bắc nước ta đã hoàn toàn giải phóng. Như vậy, "Sau hơn 80 năm nô lệ, ngày nay cả

miền Bắc là của nhân dân ta, dưới chế độ Dân chủ Cộng hoà do nhân dân ta làm chủ. Thắng lợi to lớn ấy là do từ Nam đến Bắc, đồng bào ta đoàn kết, bộ đội ta anh dũng, Đảng và Chính phủ ta lãnh đạo đúng đắn. Ta lại có nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới ủng hộ" .

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng cũng có nghĩa là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân về cơ bản đã hoàn thành. Miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc xâm lược và phong kiến tay sai. Trước sự thay đổi của tình hình đất nước, Đảng ta kịp thời xác định nhiệm vụ cách mạng cho phù hợp. Tháng 9-1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ chung của Đảng là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định để củng cố hoà bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc.

Như vậy, tuy chưa nêu cụ thể, nhưng Nghị quyết Bộ Chính trị đã xác định mỗi miền có một nhiệm vụ khác nhau. Miền Bắc phải được củng cố vững chắc để làm chỗ dựa cho cách mạng miền Nam. Muốn vậy,

không thể để miền Bắc trong tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán, lạc hậu và càng không thể đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.

Yêu cầu của cách mạng miền Bắc cũng như của cách mạng cả nước và nguyện vọng của toàn dân đòi hỏi miền Bắc phải đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới có thể đi tới một xã hội công bằng và văn minh, không có người bóc lột người; đồng thời cũng xoá bỏ nguồn gốc sinh ra phương thức bóc lột.

Yêu cầu của cách mạng nước ta cũng như nguyện vọng toàn dân hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và nội dung của thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Mặt khác, ở nước ta, trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giai cấp công nhân và nông dân đóng vai trò quyết định; đội tiên phong của giai cấp công nhân nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng. Trong điều kiện đó, thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân không những là thắng lợi của nhân dân lao động đối với chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, mà còn là thắng lợi về chính trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản trong nước. Chính vì thế, "sự kết thúc thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng có nghĩa là sự mở

đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa" .

Xuất phát từ những cơ sở trên, Đảng ta quyết định đưa miền Bắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Quyết định này cũng chính là sự vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lê nin vào hoàn cảnh cụ thể nước ta.

Ở miền Nam, theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, lực lượng Liên hiệp Pháp tạm thời nắm quyền kiểm soát trong hai năm. Nhưng trong quá trình đó, đế quốc Mỹ đã gạt Pháp, độc chiếm miền Nam, biến miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc do vậy chưa hoàn thành. Trong điều kiện ấy, nhân dân ta ở miền Nam có nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Như vậy, từ cuối năm 1954, sau ngày hoà bình lập lại, trong một giai đoạn lịch sử, dưới sự lãnh đạo của một Đảng, nhân dân ta đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng khác nhau: Chiến lược cách mạng

xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đây chính là một đặc điểm lớn nhất và cũng là nét độc đáo của cách mạng nước ta từ tháng 7-1954 đến tháng 5-1975.

Mỗi cuộc cách mạng nhằm giải quyết những yêu cầu cụ thể, cấp bách của mỗi miền, nhưng có mối quan hệ khăng khít với nhau và tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không chỉ có mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, mà còn phải làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc cách mạng giải phóng miền Nam và cho cả sự nghiệp xây dựng đất nước sau khi thống nhất. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam không chỉ đánh đổ ách thống trị của đế quốc xâm lược, giải phóng miền Nam, mà còn phải ra sức bảo vệ miền Bắc có điều kiện hoà bình xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Phải dùng sức mạnh của cả nước để giải phóng miền Nam, đồng thời cũng phải dùng sức mạnh của cả nước để bảo vệ và xây dựng miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là mối quan hệ biện chứng, hữu cơ giữa cách mạng hai miền Nam - Bắc từ sau năm 1954.

Trong mối quan hệ trên, mỗi chiến lược cách mạng có một vị trí, vai trò khác nhau. Miền Bắc là hậu phương, cho nên cuộc cách mạng xã hội

chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Miền Nam là tiền tuyến, cho nên cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.

Cả hai chiến lược cách mạng ở hai miền đều nhằm thực hiện một mục tiêu chung của cách mạng cả nước là đấu tranh chống đế quốc Mĩ và tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

## **II- Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960)**

Sau ngày giải phóng, miền Bắc nước ta đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội.

Nền kinh tế nước ta vốn là nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề. Trong các vùng nông thôn mới giải phóng, hậu quả do các cuộc càn quét của địch để lại hết sức nghiêm trọng: Khoảng 14 vạn

héc ta ruộng đất bị bỏ hoang; hệ thống thủy lợi hư hỏng nặng, khiến 200.000 héc ta ruộng đồng không nước tưới tiêu, cần cỗi và úng ngập; thôn xóm tiêu điều, xơ xác; nhân công, nông cụ và trâu bò bị thiếu nghiêm trọng. Từ cuối năm 1954 đến nửa đầu năm 1955, nạn đói lan rộng tới trên 200 xã. Các thành thị vừa mới tiếp quản mang nặng tính chất buôn bán, tiêu thụ là chủ yếu. Phần lớn các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Nguyên liệu, nhiên liệu, máy móc thiếu thốn. Gần 50% kho tàng, công sở bị phá hoại. Thương nghiệp bị đình đốn, các hoạt động đầu cơ tích trữ, nâng giá lũng đoạn thị trường diễn ra phổ biến. Tiền tệ chưa thống nhất, nền kinh tế quốc dân mất cân đối gay gắt. Hơn 50.000 lao động thất nghiệp. Hàng trăm ngàn người lâm vào cảnh thiếu đói.

Ở các vùng tự do cũ trong kháng chiến, tuy công nghiệp và nông nghiệp có phát triển, nhưng quy mô nhỏ bé, kỹ thuật lạc hậu nên năng suất rất thấp, không thể đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống ngày càng cao của nhân dân.

Trong khi đó, các phần tử tề nguỵ rã đám chưa qua cải tạo, lực lượng thổ phỉ và bọn gián điệp, đặc vụ nước ngoài được cài lại vẫn ngầm hoạt động... càng làm cho tình hình chính trị xã hội thêm phức tạp.

Tình hình trên đặt ra cho Đảng và nhân dân miền Bắc một nhiệm vụ hết sức nặng nề là khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Muốn vậy, nhiệm vụ trước mắt là phải tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất. Trong hoàn cảnh đấu tranh để thống nhất nước nhà, việc thực hiện cải cách ruộng đất vừa phải thoả mãn quyền lợi về kinh tế và chính trị của nông dân, củng cố khối liên minh công nông, vừa phải mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Tại kì họp lần thứ 4 (3-1955), Quốc hội thông qua Nghị quyết tán thành điều chỉnh và bổ sung của Chính phủ về cải cách ruộng đất: Dùng hình thức toà án thay cho những cuộc đấu tố của nông dân, thu hẹp diện tịch thu và trưng thu, mở rộng diện trưng mua, chiếu cố những địa chủ kháng chiến và gia đình địa chủ có con em là bộ đội, cán bộ, viên chức cách mạng.

Trên cơ sở đó, đợt 6 giảm tô và đợt 2 cải cách ruộng đất là những đợt đầu tiên được tiến hành trong hoà bình. Từ lúc này trở đi, cuộc phát động quần chúng nông dân bắt đầu lan rộng vào vùng trung du và đồng bằng mới giải phóng. Ngày 20-7-1956, đợt 5 cải cách ruộng đất kết thúc. Đây là đợt cuối cùng và là đợt lớn nhất trong cải cách ruộng đất được tiến hành trên phạm vi 1.732 xã với 6 triệu dân ở 20 tỉnh và 2

thành phố.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, chúng ta đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài. Sau khi phát hiện sai lầm (4-1956), Đảng ta đã có chỉ thị sửa sai. Sau một năm sửa sai (1957), công cuộc cải cách ruộng đất đã hoàn thành thắng lợi. Chúng ta đã tịch thu, trưng thu và trưng mua 810.000 ha ruộng đất, trên 100.000 trâu bò, 1.800.000 nông cụ từ trong tay giai cấp địa chủ chia cho 2.200.000 hộ nông dân lao động (chiếm 72,8% số hộ ở nông thôn được chia ruộng đất).

Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến vĩnh viễn bị thủ tiêu. Chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân được xác lập. Nông dân thực sự trở thành người chủ ở nông thôn không chỉ về chính trị, mà cả về kinh tế. Khối liên minh công nông - nền tảng của chuyên chính vô sản - được củng cố một bước. Thắng lợi của cải cách ruộng đất là thắng lợi to lớn và căn bản, làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền Bắc. Nó đem lại niềm phấn khởi trong nông dân, có tác dụng rất lớn trong việc đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Nhiệm vụ khôi phục kinh tế được tiến hành trong điều kiện hết sức gay gắt của một xã hội vốn là thuộc địa vừa trải qua chiến tranh tàn phá nặng nề. Vì vậy, ngay từ tháng 9-1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết vạch

rõ nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc là ổn định trật tự xã hội, ổn định vật giá, ổn định thị trường. Yêu cầu của nhiệm vụ khôi phục kinh tế là sau hai năm về cơ bản phải đưa mức sản xuất lên ngang bằng mức trước chiến tranh (1939), nhằm giảm bớt khó khăn, nâng cao một bước đời sống của nhân dân; phát triển kinh tế một cách có kế hoạch; mở rộng giao lưu kinh tế giữa các vùng trong nước. Sản xuất nông nghiệp được đặc biệt coi trọng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) nhấn mạnh: Phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc về tính chất rất trọng yếu của sản xuất nông nghiệp đối với cả nền kinh tế nước ta hiện nay và sau này. Phải khôi phục sản xuất nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực (trước mắt là cứu đói và phòng đói) làm cơ sở cho việc khôi phục và phát triển công – thương nghiệp. Phải khôi phục sản xuất nông nghiệp và làm nghề phụ ở nông thôn để nâng cao sức sống của nông dân; thông qua đó, củng cố công nông liên minh.

Nhân dân ta có những cố gắng phi thường, vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn để khôi phục và phát triển sản xuất. Nhà nước cho nhân dân vay vốn để đầu tư vào sản xuất, ổn định đời sống. Nhờ đó, đến cuối năm 1957, những vết thương chiến tranh trên đồng ruộng đã được hàn gắn: 125.000 mẫu ruộng hoang được đưa vào sản xuất, 12 hệ thống nông giang được sửa chữa cùng với việc xây dựng thêm những công

trình thủy nông mới. Một hệ thống đê điều với chiều dài 3.500 km được tu sửa và bồi đắp.

Những kết quả trên đã góp phần tăng nhanh sản lượng lương thực và hoa màu. Tính đến năm 1956, miền Bắc sản xuất được khoảng 4 triệu tấn lương thực (vượt xa so với năm 1939: 2,4 triệu tấn). Tổng sản lượng hoa màu quy ra thóc đạt bình quân hằng năm là 680.000 tấn (gấp 3 lần mức năm 1939: 220.000 tấn). Nạn đói có tính chất kinh niên ở miền Bắc bước đầu được giải quyết; đời sống nhân dân được cải thiện một bước.

Về công nghiệp, Đảng ta chủ trương trước tiên phải chú trọng khôi phục và phát triển công nghiệp nhẹ; đồng thời củng cố và phát triển các cơ sở công nghiệp nặng trong phạm vi cần thiết và có khả năng. Trong ba năm (1955-1957), chúng ta đã khôi phục hầu hết các xí nghiệp quan trọng. Nhiều cơ sở công nghiệp cũ không những được phục hồi, mà còn tăng thêm trang thiết bị hiện đại (mỏ than Hòn Gai, dệt Nam Định, xi măng Hải Phòng...). Chúng ta còn xây dựng thêm nhiều cơ sở công nghiệp mới. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 xí nghiệp công nghiệp do Trung ương quản lí.